

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đầu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên gia công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
 - Tiến độ cung cấp hàng hóa;
 - Yếu tố thân thiện môi trường;
 - Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
 - Các yếu tố cần thiết khác.

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|--|---------------------------------|
| 1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ | | |
| Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ | <ul style="list-style-type: none"> - Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, thiết bị; tiêu chuẩn sản xuất; tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Mục 1.2 Chương V “Yêu cầu về kỹ thuật”. - Có lập bảng kê danh mục hàng hóa chào thầu với đầy đủ các nội dung: Model hoặc ký mã hiệu hàng hóa (nếu có); hãng sản xuất; xuất xứ; đặc tính, thông số kỹ thuật; hình ảnh sản phẩm hoặc catalogue trong đó ghi chú rõ thiết bị có thông số kỹ thuật “tương đương” hoặc “tốt hơn” yêu cầu của E-HSMT. - Có bản Cam kết hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng đối với thiết bị mới, <i>(không yêu cầu đối với thiết bị đã qua sử dụng)</i>. - Có cam kết cung cấp các giấy tờ bao gồm: <i>Bản gốc hoặc bản sao chứng thực xác nhận về xuất xứ (C/O) và xác nhận về chất lượng hàng hóa (C/Q) (đối với hàng hóa nhập khẩu) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng (đối với hàng hóa sản xuất trong nước)</i>. | Đạt |
| | Không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 2. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | | |
| Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế | Đạt |
| | Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế. | Không đạt |
| 3. Bảo hành | | |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|--|---|---------------------------------|
| Thời gian bảo hành, bảo trì | - Có cam kết thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng (<i>đối với thiết bị mới</i>). Đối với các thiết bị bảo hành theo quy định của nhà sản xuất thì theo quy định của nhà sản xuất tuy nhiên không nhỏ hơn 12 tháng. - Có cam kết bảo trì đúng thời gian theo quy định của nhà sản xuất. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 4. Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường; | | |
| Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường | Có cam kết hàng hóa năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 5. Tiến độ cung cấp hàng hóa | | |
| Tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý | Thời gian cung cấp hàng hóa hợp lý trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. | Đạt |
| | Không đề xuất thời gian cung cấp hàng hóa hoặc thời gian cung cấp hàng hóa >45 ngày | Không đạt |
| 6. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có); | | |
| Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trước đó trong thời gian từ năm 2022, tính đến thời điểm đóng thầu. <i>(Được đánh giá dựa trên thông tin công bố “danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm” tại hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (http://muasamcong.mpi.gov.vn/) tính đến thời điểm đóng thầu)</i> | Có cam kết về uy tín của nhà thầu và không có tên trong “ <i>danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm</i> ” tại hệ thống mạng đấu thầu quốc gia | Đạt |
| | Không có cam kết về uy tín của nhà thầu hoặc có tên trong “ <i>danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm</i> ” tại hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. | Không đạt |
| Kết luận | | _____ |

